TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/DS-ST
Ngày: 11/9/2017
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khởi.

2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Quách Văn Diễn-Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2017/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 100/2017/QĐST-DS, ngày 23/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Hoàng O, sinh năm 1954, địa chỉ Số 125, ấp C, xã H, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Quách H, sinh năm 1941, địa chỉ Số 245, ấp M, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1) Bà Quách Thị C (T), sinh năm 1968 (vắng mặt).

2) Ông Trương Minh N, sinh năm 1992 (vắng mặt).

3) Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 (vắng mặt).

4) Ông Trần Văn B, sinh năm 1959 (vắng mặt).

5) Bà Chiêm Thị Bé B, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp M, xã T, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2017, biên bản lấy lời khai ngày 21/7/2017, biên bản hoà giải ngày 31/7/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Hoàng O trình baøy:

Vào ngày 17/5/2013, ông Quách H có mượn bà số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng)*, hứa đến cuối tháng 11/2013 sẽ cho bà, nhưng đến hạn ông H không có tiền trả, nên bà yêu cầu địa phương giải quyết.

Tại cuộc hòa giải ngày 30/11/2014, ông H thừa nhận thiếu bà số tiền 20.000.000đ, có Ban hoà giải ấp Mỹ Hội, xã Thới An Hội biết việc này, nhưng ông H chưa có khả năng trả nợ, nên đã cố cho bà 17 gốc nhãn đang cho trái với thời hạn 01 năm, đến nay ông H đã lấy lại 17 gốc nhãn đã cố.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả cho bà số tiền 20.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2017, biên bản hoà giải ngày 31/7/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Quách H trình bày:

Ông không có mượn của bà Trần Hoàng O số tiền 20.000.000đ như lời trình bày của bà ấy. Còn số tiền 20.000.000đ mà ông trình bày tại biên bản hoà giải cơ sở ngày 07/3/2014 là khi hoà giải việc ly hôn giữa ông với bà O (vì bà O kiện xin ly hôn với ông), ông có hứa đến tháng 11/2014 sẽ cho bà O số tiền 20.000.000đ, đến kỳ hẹn tháng 11/2014 ông đã giao số tiền 20.000.000đ cho ông Trần Văn B-Trưởng Ban nhân dân ấp Mỹ Hội, để đưa cho bà O như đã hứa và ông Biển đã giao lại số tiền này cho bà O rồi. Như vậy, việc Ông hứa cho bà O 20.000.000đ đã thực hiện xong.

Sau đó, bà O quay trở về chung sống với ông, ông mới cho bà O ăn hoa màu 03 năm trên 17 gốc nhãn của phần đất vườn nhà ông (tính từ năm 2014), sau khi ăn đủ 03 năm ông mới lấy lại phần đất vườn này, bà O có xin thêm 5.000.000đ nhưng ông không đồng ý, cho nên bà O mới lấy biên bản hoà giải cũ trước đây đi kiện. Hiện nay 17 gốc nhãn ông đã lấy lại và đang quản lý.

Còn việc bà O cho rằng ông thiếu nợ 20.000.000đ và cố 17 gốc nhãn gắn liền với phần đất vườn cho bà ấy với thời hạn 01 năm là hoàn toàn bịa đặt, không đúng sự thật. Cho nên, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

***Về tố tụng:**

Tại phiên toà, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K. Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người làm chứng các ông, bà Quách Thị C, Trương Minh N, Nguyễn Văn T, Trần Văn B và Chiêm Thị Bé B đều vắng mặt lần thứ nhất không rõ lý do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ, cho nên căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

***Về nội dung:**

Bà Trần Hoàng O cho rằng: Vào ngày 17/5/2013, bà có cho ông Quách H mượn số tiền 20.000.000đ, hứa đến cuối tháng 11/2013 sẽ trả, nhưng đến hạn ông H không có tiền trả. Tại cuộc hòa giải cơ sở ngày 30/11/2014, ông H thừa nhận thiếu bà số tiền này, có các thành viên Ban hoà giải ấp Mỹ Hội, xã Thới An Hội đều biết, nhưng ông H chưa có khả năng trả nợ, nên đã đồng ý cố cho bà 17 gốc nhãn đang cho trái với thời hạn 01 năm, đến nay ông H đã lấy lại 17 gốc nhãn đã cố, cho nên bà yêu cầu ông H trả lại 20.000.000đ (tại phiên toà bà chỉ yêu cầu trả lại 2.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K).

Ngược lại, ông H cho rằng: Ông không có mượn của bà O số tiền 20.000.000đ như lời trình bày của bà ấy. Còn số tiền 20.000.000đ mà ông trình bày tại biên bản hoà giải cơ sở ngày 07/3/2014 là ông có hứa cho bà O khi hoà giải việc ly hôn và đã thực hiện xong. Sau đó, bà O quay trở về chung sống, ông mới cho bà O ăn hoa màu ba năm trên 17 gốc nhãn của phần đất vườn nhà ông (tính từ năm 2014), sau khi ăn đủ 03 năm ông mới lấy lại phần đất vườn này, bà O có xin thêm 5.000.000đ nhưng ông không đồng ý, cho nên bà O mới lấy biên bản hoà giải cũ trước đây đi kiện. Cho nên, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, nhưng tại phiên toà ông đồng ý cho thêm bà O 2.500.000đ.

Xét thấy, tại cuộc hoà giải cơ sở vào ngày 09/3/2013, về việc hôn nhân gia đình, ông H đồng ý cho bà O số tiền 20.000.000đ và hứa đến ngày 29/3/2013 âm lịch sẽ trả xong. Đến ngày 19/4/2013 ông H đã giao đủ số tiền này cho bà O (giao thông qua ông Trần Văn B và có lập biên nhận). Sau đó, đến ngày 17/5/2013, ông H có làm biên nhận mượn của bà O 01 chỉ vàng 24K và 2.000.000đ (bút lục 13).

Xét lời khai của những người làm chứng là các ông, bà Trương Minh N, Nguyễn Văn T, Trần Văn B và Chiêm Thị Bé B, đều là thành viên của Tổ Hoà giải cơ sở ấp Mỹ Hội, xã Thới An Hội, huyện Kế Sách (tại các bút lục 46, 47, 48 và 50) đều xác định: Vào ngày 30/11/2014, Tổ hoà giải cơ sở có tiến hành hoà giải giữa bà Trần Hoành O với ông Quách H với sự có mặt của các thành viên Tổ hoà giải và của các đương sự. Tại cuộc hoà giải này, ông H thừa nhận có thiếu nợ bà O 20.000.000đ và đồng ý giao cho bà O 17 gốc nhãn Da Bò, sau đó bà O kêu người khác cố lại với thời hạn 05 năm nhưng ông H không đồng ý mà chỉ cho cố với thời hạn 03 năm, cho nên hai bên không thoả thuận được. Các thành viên của Tổ hoà giải nêu trên đều biết việc này.

Lời trình bày của những người làm chứng nêu trên là phù hợp với lời trình bày của bà Trần Hoàng O. Còn việc ông H cho rằng tại cuộc hoà giải ly hôn ngày 07/3/2014 ông có hứa cho bà O 20.000.000đ và đã thực hiện xong thì không có liên quan gì đến việc bà O khởi kiện ông H yêu cầu trả số tiền nợ 20.000.000đ mà ông H đã thừa nhận tại cuộc hoà giải ngày 30/11/2014, có các thành viên của Tổ hoà giải chứng kiến. Cho nên, lời trình bày của ông H là không có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 6, 91 và 93 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc ông H phải trả cho bà O số tiền nợ 2.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K (giá vàng 24K tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.573.600đ/chỉ).

*Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc ông H phải chịu 278.680đ = (2.000.000đ + 3.573.600đ) x 5%.

Bà O không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.*

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn đồng ý cho thêm nguyên đơn 2.500.000đ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là không có cơ sở chấp nhận, theo như nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các điều 6, 91, 93, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hoàng O, buộc ông Quách H phải có nghĩa vụ trả cho bà O số tiền nợ 2.000.000đ và 01 chỉ vàng 24K.

2. Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi

cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Quách H phải chịu 278.680đ.

Bà Trần Hoàng O không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000đ, theo biên lai thu tiền số 0005799, ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Vinh Thắng